

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HS-ST

Ngày 28/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trung

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2021/TLST-HS ngày 10/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 10/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/HSST – QĐ ngày 30 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Phan Tr, sinh năm 1994; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 01, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ph và bà Ch; Có 02 con: lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh ngày 26/12/2020; Có 01 người em sinh năm 1996; Tiền án; tiền sự: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Nguyễn Th, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Ấp Th, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.(Có mặt).

2. Võ Thị T, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Ấp P, xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

3. Nguyễn T M, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

4. Nguyễn Q, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thr, sinh năm 1988.

Trú tại: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt).

2. Bùi Thị Ng, sinh năm 1994.

Trú tại: Phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Tr là nhân viên hợp đồng lao động có thời hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) với trách nhiệm được giao là tư vấn và hướng dẫn thủ tục hồ sơ cho khách hàng có nhu cầu vay vốn tại VPBank.

Vào tháng 6/2017 và tháng 8/2017, Phan Tr tư vấn làm hồ sơ cho 03 cá nhân vay vốn gồm: Chị Nguyễn Th vay số tiền 31.500.000 đồng trả dần hàng tháng trong thời hạn 20 tháng kể từ ngày 01/8/2017 đến 01/3/2019, chị Võ Thị T vay số tiền 126.000.000 đồng trả dần hàng tháng trong thời hạn 30 tháng từ 01/8/2017 đến 01/01/2020, chị Nguyễn T M vay số tiền 21.000.000 đồng trả dần hàng tháng trong thời hạn 24 tháng từ 03/10/2017 đến 03/9/2019. Sau khi vay vốn, chị Lê trả dần được 08 tháng đến ngày 01/3/2018 và còn lại nợ gốc số tiền 20.428.240 đồng, chị T trả dần được 09 tháng đến 03/4/2018 và còn lại nợ gốc số tiền 95.000.000 đồng, chị M trả dần được 07 tháng đến 03/4/2018 và còn lại nợ gốc số tiền 16.000.000 đồng. Lúc này, do không có tiền tiêu xài và trang trải nợ nần, Phan Tr nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của khách hàng vay vốn bằng cách bịa ra chuyện nói với chị Th, T, M rằng VPBank có chính sách ưu đãi nếu cả 03 người trả hết nợ cho ngân hàng trước hạn hợp đồng thì VPBank sẽ cho vay lại cao hơn so với số tiền vay ban đầu; Phan Tr yêu cầu chị Th, T, M trả nợ trước hạn và hứa sẽ làm hồ sơ cho chị Th vay lại số tiền 47.000.000 đồng, chị T vay 30.000.000 đồng, chị M vay 35.000.000 đồng. Tin lời nói của Phan Tr là thật, chị Th, T, M đồng ý trả nợ trước hạn để được vay lại số tiền cao hơn do đang cần vốn làm ăn, riêng chị T chỉ có 50.000.000 đồng không đủ tiền trả hết

nợ gốc thì Tr vờ hứa cho mượn 45.000.000 đồng và hướng dẫn các cá nhân chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Tr để Tr trả cho VPBank. Đến ngày 16/3/2018, chị Lệ chuyển vào tài khoản số 256349249 của Tr mở tại Ngân hàng Á Châu số tiền 20.428.240 đồng, anh Nguyễn Q (chồng M) chuyển vào tài khoản số 120446298 của Tr mở tại VPBank số tiền 16.000.000 đồng vào ngày 23/4/2018, chị T chuyển vào tài khoản 256349249 số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 27/4/2018. Sau khi nhận được tiền, Phan Tr rút ra khỏi tài khoản tiêu xài cá nhân và trả nợ. Đến ngày 14/5/2018, chị T không thấy Tr làm hồ sơ cho vay lại như đã hứa nên đi tìm Tr đòi lại tiền thì Tr trả lại được 19.000.000 đồng rồi bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 04/3/2021 thì bị bắt truy nã.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 02/8/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố Phan Tr về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Phan Tr phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đồng thời đề nghị:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Tr từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho các bị hại Nguyễn Th 20.428.240 đồng, chị Nguyễn T M 16.000.000 đồng và chị Võ Thị T 31.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Phan Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản đã thực hiện như đã nêu trên. Bị cáo đồng ý trả cho chị Nguyễn Th số tiền 20.428.240 đồng, chị Nguyễn T M số tiền 16.000.000 đồng, Võ Thị T số tiền 31.000.000 đồng và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật. Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo có điều kiện lao động rả nợ cho các bị hại và nuôi con.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Th yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 20.428.240 đồng và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Võ Thị T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 31.000.000 đồng và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Q (chồng chị Nguyễn T M) yêu cầu bị cáo trả lại cho vợ chồng anh số tiền 16.000.000 đồng và lại suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn T M và những người làm chứng Nguyễn Thr, Bùi Thị Ng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai thể hiện rõ trong quá trình điều tra vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tiến hành tố tụng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của những người nêu trên. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo nên căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo Phan Tr là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, nên Phan Tr đã có hành vi lợi dụng chức trách được giao và danh nghĩa của VPBank đưa ra thông tin sai sự thật về chính sách vay vốn của VPBank để chiếm đoạt của Nguyễn Th, Nguyễn T M, Võ Thị T tổng số tiền 86.428.240 đồng. Vụ việc xảy ra từ ngày 16/3/2018 đến ngày 27/4/2018 tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo Phan Tr về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là “Chiếm đoạt tài sản giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” và “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa

cơ quan, tổ chức” được quy định quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc lợi dụng sự cả tin sau đó lừa dối chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả xảy ra là đúng như bị cáo mong muốn. Việc làm của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử lý bị cáo bằng hình phạt tù giam mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 03 lần của 03 người với số tiền của mỗi người bị chiếm đoạt đều đủ định lượng cấu thành tội phạm. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm “tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy rằng: Sau khi hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện, bị cáo đã trả lại cho bà Võ Thị T số tiền 19.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận. Ngoài ra, bản thân bị cáo một mình phải lao động nuôi 02 con còn nhỏ nên để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại thống nhất thỏa thuận bị cáo trả cho: Chị Nguyễn Th số tiền 20.428.240 đồng, chị Nguyễn T M và anh Nguyễn Q số tiền 16.000.000 đồng, chị Võ Thị T số tiền 31.000.000 đồng và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án, ngoài ra các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa

thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận đề buộc bị cáo thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Tr phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Tr 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo Phan Tr trả cho chị Nguyễn Th số tiền 20.428.240 (Hai mươi triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi) đồng.

- Buộc bị cáo Phan Tr trả cho chị Võ Thị T số tiền 31.000.000 (Ba mươi một triệu) đồng.

- Buộc bị cáo Phan Tr trả cho chị Nguyễn T M và anh Nguyễn Q số tiền 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Buộc bị cáo Phan Tr phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 3.371.400 (Ba triệu ba trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại Nguyễn T M vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tri;
- Cơ quan THAHS Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn B;
- UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng